

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 13 tháng 12 năm 2021

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
1	Nguyễn Hải An	TP	8C8	CD (8C8) + Văn (8C3, 8C8, 9D9)	19,5
2	Dương Thị Việt Bắc		6A3	Anh (6A1, 6A3, 9D1, 9D2, 9D9)	19
3	Lê Thị Bích			Nhạc (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 7B6, 7B7) + Pháp (9D7, 9D8, 6A2, 6A3, 6A4)	19
4	Nguyễn Thị Bích	PHTM, SMAS		Tin (7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8)	19
5	Nguyễn Thị Hải Chiến	TKHD	8C9	CD (8C1, 8C2, 8C3) + Địa (8C9) + Văn (8C6, 8C9)	18,5
6	Phạm Văn Chuyển			TD (6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8)	20
7	Bùi Thị Dịu		6A7	CNg (7B7, 7B8, 8C7) + HDTN (6A7) + Toán (6A3, 6A6, 6A7)	21
8	Hà Thị Lan Dung			CD (6A2, 6A3, 7B5, 7B7, 7B8, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C9, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9)	19
9	Vũ Thị Duyên	TP	7B5	HDTN (6A3) + KHTN (6A7) + Sinh (7B3, 7B4, 7B5, 7B6)	18,5
10	Trần Minh Đông			Tin (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5) + Toán (8C2, 9D8) + HN (9D1,2,3,4)	19
11	Nguyễn Hoàng Giang	Trung dụng PGD		Hoá (9D2, 9D9) + Sinh (7B2)	6
12	Vũ Hương Giang	TPT		Nhạc (8C8, 8C9)	2
13	Vũ Hằng Hải	QL phòng máy		Tin (8C6, 9D6, 9D7, 9D8) + Toán (7B8)	19
14	Nguyễn Thị Hạnh		9D4	Tin (8C3) + Toán (8C3, 9D4, 9D5)	18,5
15	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	PHT		Anh (6A2, 6A4)	6
16	Dương Thị Hằng			CNg (6A1, 6A3, 6A4) + Địa (6A6, 6A7, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 9D6, 9D7)	19
17	Phạm Thị Hằng		6A4	CD (7B1) + HDTN (6A4) + Toán (6A1, 6A4, 7B5)	18
18	Phạm Thị Thu Hằng		6A1	GDDP (6A1) + HDTN (6A1) + Văn (6A1, 6A4, 6A6)	19
19	Nguyễn Thị Hiền			Hoá (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 8C9) + Nhạc (8C6, 8C7, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D8, 9D9)	19
20	Nguyễn Thu Hiền		8C1	Địa (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8) + Sử (8C1, 8C2, 8C6)	18,5
21	Từ Thị Hiền	TT	9D2	Sử (9D3) + Văn (9D2, 9D5)	18,5
22	Đào Thị Hoa	TTND, PCTCĐ	8C7	KHTN (6A1, 6A2, 6A3) + Sinh (8C7)	21
23	Nguyễn Thị Hoa		7B8	Địa (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 7B1, 7B2, 7B8) + Văn (7B8)	19,5
24	Nguyễn Kim Hoài			Anh (6A5, 6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 8C1, 8C3)	27
25	Nguyễn Thu Hòa	TT	6A2	Toán (6A2, 6A5, 7B4, 7B6)	23
26	Nguyễn Thu Hòa	QL TBDH		CD (6A1, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7) + Tin (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7)	19
27	Trần Thị Mai Hồng		8C2	Sử (9D1, 9D2) + Văn (8C1, 8C2, 8C7)	18,5
28	Vũ Thị Hồng		9D1	Văn (8C4, 9D1, 9D4)	18,5
29	Trần Thị Hợi		6A5	GDDP (6A5) + Sử (7B4, 7B6) + Văn (6A5, 7B3)	18
30	Ngô Thị Thu Huyền	UBCĐ, TTKT		Hoá (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Nhạc (7B2, 7B3)	19

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 13 tháng 12 năm 2021

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
31	Hà Thu Hương		8C3	Sử (8C3, 8C4, 8C5, 8C7, 8C8, 8C9, 9D5, 9D8)	18,5
32	Hà Thị Thanh Mai		9D7	Sử (9D4, 9D6, 9D7, 9D9) + Văn (9D6, 9D7)	18,5
33	Vũ Thị Bích Ngọc	TT, UVCD		Anh (7B5, 7B6, 8C2, 8C4, 8C7, 8C8, 9D5, 9D7, 9D8)	27
34	Kiều Bích Nguyệt		7B6	GDDP (6A4, 6A6, 6A7) + Văn (7B5, 7B6)	18,5
35	Lê Thị Ninh		9D8	Văn (8C5, 9D3, 9D8)	18,5
36	Nguyễn Thu Phong		9D3	Lý (8C8) + Toán (8C5, 9D1, 9D3) + HN (9D5,6,7,8,9)	19
37	Hoàng Kim Phương			Sử (6A2, 6A3, 6A4, 6A6, 6A7) + Văn (6A7, 7B1)	18
38	Nguyễn Thanh Phương	TP	8C4	CNg (9D2) + Toán (8C4, 9D2, 9D6)	18,5
39	Vũ Thị Thu Phương		9D5	Địa (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D8, 9D9)	18,5
40	Nguyễn Thị Bích Phượng			Hoá (8C3, 8C4, 9D1, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8)	18
41	Nguyễn Thị Quyên	Tập sự		CD (7B2, 7B3, 7B4, 7B6) + GDDP (6A2, 6A3) + Sử (6A1, 6A5, 7B1, 7B7, 7B8)	18
42	Dương Văn Tâm	Trung dụng PGD		Sinh (7B1, 8C8, 8C9)	6
43	Phạm Thị Tuyết Thanh	TP	9D9	Lý (9D1, 9D8) + Nhạc (9D7) + Toán (9D7, 9D9)	18,5
44	Đặng Văn Thành			CNg (6A2) + TD (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5) + Toán (8C1, 8C9)	19
45	Phạm Thị Thanh Thảo		9D6	Anh (8C5, 8C6, 8C9, 9D3, 9D4, 9D6, 7B7, 7B8)	25,5
46	Trần Thị Phương Thảo	PHT		Toán (8C8)	4
47	Nguyễn Thị Thắm	TP		TD (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9)	19
48	Nguyễn Thị Phương Thắm			CNg (8C8, 8C9) + Lý (9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D9)	18
49	Đỗ Thị Hồng Thu		8C5	Hoá (8C1, 8C2, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 8C9)	18,5
50	Nguyễn Thị Lệ Thu			CNg (7B3, 7B4, 7B5, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6) + Toán (7B7)	19
51	Bùi Thị Thủy	CTCD	7B4	Văn (6A3, 7B4, 7B7)	19,5
52	Nguyễn Hoàng Thủy	TT	6A6	KHTN (6A4, 6A5, 6A6)	19
53	Nguyễn Thị Thúy		7B1	Nhạc (7B1, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5) + Pháp (7B1, 7B2, 8C5, 8C7)	18,5
54	Trần Thị Thu Thương		7B7	Sinh (7B7, 9D1, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D9)	18,5
55	Nguyễn Thị Trang	Tập sự		CNg (6A5, 6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B6) + Lý (7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Nhạc (7B4, 7B5, 7B8)	17
56	Trần Thị Thu Trang			Sinh (7B8, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 9D7, 9D8)	18
57	Vũ Huyền Trang		7B2	Sử (7B2, 7B3, 7B5) + Văn (6A2, 7B2)	18,5
58	Trần Thị Ánh Tuyết	HT		Sinh (9D2)	2
59	Nguyễn Thị Tươi	Web		Tin (8C1, 8C2, 8C4, 8C5, 8C7, 8C8, 8C9)	19
60	Nguyễn Thị Vân		8C6	Tin (9D9, 7B1, 7B2) + Toán (8C6, 8C7)	18,5

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 13 tháng 12 năm 2021

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
61	Nguyễn Thị Yên			CNg (9D1, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9) + HDTN (6A2, 6A5) + Lý (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C9)	18
62	Trương Thị Yên			HDTN (6A6) + TD (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 8C9)	19
63	Vũ Thị Hải Yến	TT	7B3	Toán (7B1, 7B2, 7B3)	19,5